

Chương trình Học kì tự do của Hàn Quốc và đề xuất cho đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam

Phan Thị Bích Lợi

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Email: phanloi99@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết nhằm tìm hiểu về một chính sách hiệu quả trong quá trình cải cách giáo dục của Hàn Quốc, đó là chính sách “Chương trình Học kì tự do”. Bài viết trích dẫn từ các tài liệu chính thức của Bộ Giáo dục Hàn Quốc, Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc (KEDI). Tác giả đã phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, tầm nhìn, các mô hình, cách thức triển khai, hiệu quả cũng như những khó khăn còn gặp phải khi triển khai Chương trình Học kì tự do tại Hàn Quốc. Qua đó, rút ra đề xuất cho quá trình đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay khi tìm thấy sự tương đồng giữa mục tiêu của Chương trình Học kì tự do và mục tiêu của giáo dục phổ thông Việt Nam đều nhằm phát triển năng lực học sinh, khám phá tài năng và sở thích của HS nhằm mang lại một nền giáo dục hạnh phúc cho thế hệ trẻ.

TỪ KHÓA: Học kì tự do; Chương trình Học kì tự do; cải cách giáo dục Hàn Quốc; đổi mới giáo dục phổ thông Việt Nam; phát triển năng lực.

→ Nhận bài 11/03/2020 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/03/2020 → Duyệt đăng 25/03/2020.

1. Đặt vấn đề

Chương trình (CT) Học kì tự do (Free Semester Program - FSP) đã được thực hiện như một trong những chính sách cải cách giáo dục (GD) ở Hàn Quốc nhằm mục đích mang lại sự thay đổi cho quốc gia, lấy lại niềm tin vào GD và gỡ bỏ gánh nặng học tập quá mức cho học sinh (HS). Năm 2013, Học kì tự do bắt đầu như một CT thí điểm tại 42 trường trung học cơ sở (THCS) công lập và đến năm 2016 mở rộng triển khai trên 100% trường THCS công lập. Ban đầu, FSP được thực hiện trong một học kì ở THCS nhưng đến năm 2018, CT này đã mở rộng thành một năm học nhưng hầu hết các tài liệu chính thức vẫn gọi là Free semester - Học kì tự do chứ không phải là Free Year. Các nghiên cứu đã chỉ ra tác động tích cực của FSP đối với HS, mang lại niềm hạnh phúc khi tới trường, cải thiện chất lượng học tập, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề sáng tạo của HS và rất nhiều tác động tích cực khác mà các CT cải cách GD trước đây chưa làm được. Đây được coi là một “kì tích” trong chính sách đổi mới GD của Hàn Quốc trong thời đại hướng tới “Hạnh phúc quan trọng hơn thành công”. Trong giai đoạn đổi mới GD của Việt Nam hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng GD, phát triển năng lực HS, đáp ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc học hỏi những ưu điểm của CT Học kì tự do là phù hợp vì FSP cũng tạo điều kiện tốt nhất để HS phát triển năng lực bản thân, tìm thấy đam mê và tài năng theo định hướng nghề nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chương trình Học kì tự do của Hàn Quốc

a. Khái niệm và đặc điểm CT Học kì tự do

Trong các nghiên cứu về FSP chỉ ra rằng, Hàn Quốc

đã học tập mô hình “Sau giờ học”- Afterschole của Đan Mạch và “Trải nghiệm cuộc sống làm việc” - TET/PRAO của Phần Lan và Thụy Điển. Nhưng đa số đều công nhận rằng, FSP đã được phát triển dựa trên mô hình “Năm chuyên tiếp” - Transition Year của Ireland, một năm dành cho khám phá bản thân và định hướng tương lai sau khi HS kết thúc 3 năm học THCS (Jung, 2018).

“Tự do” ở đây mang ý nghĩa là trao quyền cho HS tự quyết định và lựa chọn, giải phóng HS khỏi thi cử và áp lực. FSP nhằm tạo cơ hội cho HS tìm kiếm ước mơ và tiềm năng của mình trong một học kì ở THCS. Trong học kì này, không có các bài thi và kiểm tra, HS được giải phóng khỏi gánh nặng kiểm tra, thi cử. CT giảng dạy của từng trường rất linh hoạt, HS được tham gia vào các hoạt động như thảo luận, làm thí nghiệm, chế tạo sản phẩm, hoạt động câu lạc bộ nghệ thuật, tìm hiểu nghề nghiệp, trải nghiệm thực tế tại nhà máy, công ti,... (MoE and KEDI, 2017). FSP còn được gọi là “Happy Education” tức là “GD hạnh phúc” để nuôi dưỡng ước mơ và tài năng cho trẻ em Hàn Quốc. FSP có bốn đặc điểm nổi bật sau (Kim, 2018):

- Không có bài kiểm tra, bài thi giữa kì và cuối kì trong học kì này, thay vào đó là đánh giá quá trình và tự đánh giá;
- Tăng cường các CT trải nghiệm dựa trên sở thích và hứng thú của HS;
- Đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và học tập, tập trung vào sự tham gia và hoạt động của HS, thúc đẩy thảo luận, giải quyết vấn đề và giao tiếp, tăng cường tích hợp, dạy học theo dự án để giảm thời lượng cho các môn học chính;
- Mở rộng cơ hội khám phá nghề nghiệp một cách có hệ thống để tìm thấy tài năng và ước mơ của HS.

b. Lí do triển khai CT Học kì tự do

Mặc dù Hàn Quốc có thứ hạng tốp đầu trong CT đánh giá HS quốc tế/PISA 2012 (OECD, 2012) nhưng người dân Hàn Quốc đều công nhận rằng, trẻ em đang phải chịu một gánh nặng học tập quá mức dẫn tới tỉ lệ tự tử tăng cao vì các em không thấy hạnh phúc khi đi học. Đây là một trong những thách thức của GD Hàn Quốc. Chính sách FSP nhằm giải quyết sáu thách thức trong hệ thống GD hiện tại của Hàn Quốc (Lee, 2013), sáu thách thức đó là:

- Căng thẳng trong học tập: Nguyên nhân do tuyển sinh đại học chủ yếu được xác định bởi khả năng học thuật, học trước CT giảng dạy, cạnh tranh trong GD tư nhân, ...;
- Dạy học tập trung vào GV: Tác động của việc dạy kiểu bài giảng một chiều;
- Học tập thiên vị cho các môn học chính: Không phản ánh ước mơ và tài năng cá nhân;
- Học giới hạn trong sách giáo khoa và trong không gian lớp học: Không cung cấp đủ cơ hội để khám phá các khả năng nghề nghiệp;
- Đánh giá dựa trên bài thi, bài kiểm tra: Xếp hạng HS theo điểm kiểm tra và đánh giá theo kết quả, không chú trọng vào quá trình;
- Nhân lực GD do GV chi phối: Chưa tận dụng nguồn nhân lực GD phong phú ở bên ngoài.

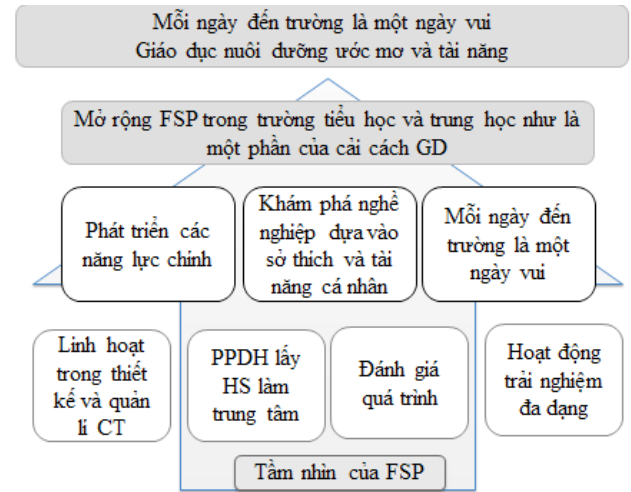
c. Mục đích của CT Học kì tự do

Giải quyết sáu thách thức của GD Hàn Quốc, FSP nhằm mục đích sau:

- Tạo cơ hội cho HS tự tìm kiếm ước mơ và tài năng của mình, tự khám phá khuynh hướng nghề nghiệp tương lai cho bản thân;
- Thay đổi văn hóa GD dựa trên kiến thức có sẵn và dựa trên sự cạnh tranh, ganh đua sang một hệ thống GD nâng cao khả năng tự định hướng, học tập sáng tạo và trau dồi các năng lực chính như năng lực cá nhân, năng lực xã hội, ...;
- Biến mỗi ngày đến trường là một ngày vui bằng cách cải cách hệ thống GD quốc dân.

d. Tầm nhìn của CT Học kì tự do

FSP nhằm tạo cơ hội cho HS THCS có nhiều hoạt động trải nghiệm hơn. Điều này cho phép HS khám phá nghề nghiệp tương lai dựa trên năng lực của mình, tăng cường khả năng học tập tự định hướng và trau dồi năng lực định hướng tương lai để nuôi dưỡng ước mơ và tài năng của mỗi cá nhân, trong đó có các giải pháp như: linh hoạt trong thiết kế và quản lí CT, PPDH lấy HS làm trung tâm, đánh giá quá trình, hoạt động trải nghiệm đa dạng (xem Hình 1).



Hình 1: Tầm nhìn của CT Học kì tự do của Hàn Quốc (MoE, 2013)

2.2. Triển khai Chương trình Học kì tự do của Hàn Quốc

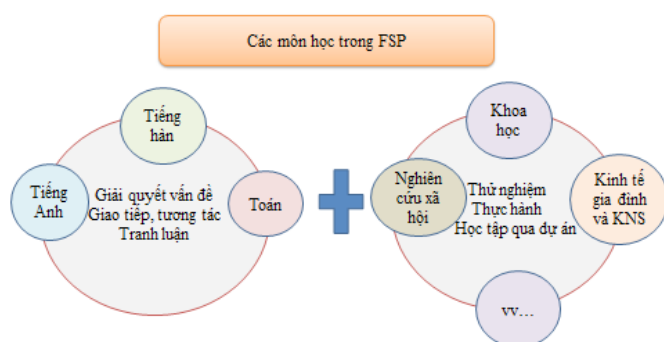
a. Cách thức triển khai CT Học kì tự do

FSP được triển khai chủ yếu cho HS lớp 7 (lớp học đầu cấp THCS của Hàn Quốc) ở học kì 1 hoặc học kì 2. Có một khung CT chung do Bộ GD ban hành nhưng mỗi trường đều có thể xây dựng một CT riêng phù hợp với trường mình. Ngoài các môn học chính khóa thì trong Học kì tự do, HS được tham gia vào các hoạt động trong bốn lĩnh vực sau (Park, 2016) (xem Hình 2):

Hoạt động khám phá nghề nghiệp	• Các khóa học và chương trình giảng dạy được thiết kế để thúc đẩy sự hiểu biết về bản thân, tìm hiểu về công việc và nghề nghiệp. Các chuyên đi thực tế đến các địa điểm và cơ sở làm việc để khám phá tài năng và sở thích của HS.
Hoạt động tự chọn	• Tổ chức theo các chủ đề chuyên ngành, phản ánh sở thích của HS. Các khóa học đặc biệt/chuyên ngành thường không được cung cấp trong chương trình giảng dạy chính khóa như: Guitar, Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Thư pháp, Áo thuật, Tham quan thể giới, Sông xanh, Tạp chí trường học, Viết sáng tạo,...
Hoạt động câu lạc bộ	• Câu lạc bộ phóng viên ảnh, Câu lạc bộ nghệ thuật & thủ công và các loại câu lạc bộ khác dành cho HS. Nhằm nâng cao vai trò của HS trong hoạt động câu lạc bộ, do chính các em tổ chức và điều hành, dựa trên lợi ích chung của các em.
Hoạt động nghệ thuật và thể thao	• Nhằm phát triển tiềm năng của HS, gồm các hoạt động đa dạng như: Gayageum (nhạc cụ truyền thống của Hàn Quốc), bơi lội, âm nhạc, biểu diễn nghệ thuật, trượt băng,...

Hình 2: Các lĩnh vực/hoạt động chính của CT Học kì tự do của Hàn Quốc (bên cạnh các môn học chính khóa)

Một ngày đến trường trong Học kì tự do: Vào buổi sáng, HS đến lớp học (regular classes) với các môn học trong CT chính khóa (khoảng 20 đến 22 giờ). Buổi chiều là thời gian dành cho các hoạt động trải nghiệm đa dạng. Buổi sáng đến lớp nhưng không phải học như các học kì trước đây mà các hoạt động chủ yếu là: HS thảo luận, đóng vai, tranh luận, tương tác; GV nhận xét, góp ý và không chấm điểm. Buổi chiều, HS được tham gia các hoạt động câu lạc bộ, trải nghiệm, lựa chọn chuyên đề theo sở thích cá nhân. Nhiều trường còn tổ chức cho HS tham gia vào các hoạt động liên quan đến FSP sau giờ học (hoặc tổ chức cả FSP trong kì nghỉ). Thời gian dành cho các môn học chính khóa buổi sáng giảm xuống còn khoảng 57% đến 66% so với học kì thông thường, dành thời gian cho FSP (Lee, 2013) (xem Hình 3).



Hình 3: Các môn học trong Học kì tự do của Hàn Quốc (MoE, 2013)

Qua phân tích ta thấy rằng, FSP được hiểu là tất cả CT, hoạt động triển khai trong một học kì không thi cử, bao gồm cả các môn học chính khóa (Hình 3) và bốn nhóm hoạt động (Hình 2). Nhưng đôi khi để nhấn mạnh đặc điểm nổi bật của FSP ở các hoạt động trải nghiệm, ngoài các môn học chính khóa thì FSP lại được hiểu như là một CT gồm bốn nhóm hoạt động như đã trình bày. Ví dụ dưới đây về cách triển khai FSP trong nhà trường, ta sẽ thấy rõ điều này. Trong ví dụ 1, theo hướng dẫn của Bộ GD Hàn Quốc thì phân bố thời lượng trong FSP

Bảng 1: Theo hướng dẫn của Bộ GD Hàn Quốc (MoE, 2013)

Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1					
2	CT các môn học chính khóa (22 giờ)				
3					
4					
5					
6	Nghề nghiệp (2 giờ)	Hoạt động tự chọn (2 giờ)	Hoạt động câu lạc bộ (2 giờ)	Nghệ thuật và thể thao (3 giờ)	Nghề nghiệp (3 giờ)
7					

bao gồm cả CT các môn học chính khóa (22 giờ) và bốn nhóm hoạt động trải nghiệm (12 giờ). Nhưng trong ví dụ 2, theo phân bố thời lượng trong Học kì tự do của trường THCS Songrye thì người đọc dễ nhầm lẫn rằng FSP không bao gồm các môn học chính khóa khi đề cập đến CT liên quan đến FSP sau giờ học.

Ví dụ về cách triển khai FSP trong nhà trường:

Ví dụ 1: (xem Bảng 1)

Như vậy, ta thấy việc triển khai FSP xuống từng trường rất linh hoạt, Bộ GD chỉ ra hướng dẫn chung còn thực hiện chi tiết được trao quyền cho các trường dựa trên điều kiện thực tế và nhu cầu HS.

b. Các mô hình triển khai CT Học kì tự do và khó khăn gặp phải

Thực tế triển khai FSP ở Hàn Quốc, ngoài những hiệu quả tích cực vẫn còn gặp phải rất nhiều thách thức. Theo báo cáo tại diễn đàn quốc tế lần thứ 2 về GD nghề nghiệp do Bộ GD và KRIVET Hàn Quốc tổ chức, Lee đã giới thiệu các mô hình triển khai FSP và khó khăn gặp phải (Lee, 2013). Bảng 2 dưới đây so sánh các mô hình triển khai FSP và khó khăn gặp phải của từng mô hình (xem Bảng 2).

Ngoài ra, còn rất nhiều khó khăn mà các trường đã triển khai FSP gặp phải trong việc hiện thực hóa đầy đủ các mục tiêu của FSP (Park, 2016):

- Sự không phù hợp giữa sở thích của HS và chuyên môn của GV cũng như cơ sở vật chất của nhà trường.
- HS lớp 7 còn quá nhỏ để định hướng được nghề nghiệp tương lai.
- Chi phí cho FSP cũng là một trở ngại lớn đối với những gia đình khó khăn. Mặc dù nếu có nhà tài trợ thì phụ huynh vẫn phải đóng góp thêm, đây lại trở thành gánh nặng cho gia đình.
- Cạnh tranh để tìm được các cơ sở tổ chức các hoạt động bên ngoài trường học cho HS: về chi phí và chất lượng.
- Còn nhiều GV không đủ tâm huyết và ngại đổi mới. Họ chỉ làm đối phó cho qua một học kì rồi lại quay trở về với các PPDH cũ nhằm mục tiêu để HS đáp ứng các

Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1	CT học chính khóa (22 giờ)				
2					
3					
4					
5	HD thể thao và nghệ thuật (3 giờ)	Khám phá nghề nghiệp (2 giờ)			Hoạt động câu lạc bộ (2 giờ)
6				CT tự chọn (2 giờ)	
7					
Sau giờ học	CT liên quan đến FSP				

Bảng 2: So sánh các mô hình triển khai FSP và khó khăn của từng mô hình

Mô hình	Mô hình tổ chức cùng với CT chính khóa	Mô hình tổ chức trong và sau giờ học chính khóa	Mô hình tổ chức trong giờ học chính khóa và vào kì nghỉ	Mô hình tổ chức trong và sau giờ học chính khóa và vào kì nghỉ
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm số giờ học các môn chính (tiếng Hàn, tiếng Anh, Toán). - Tổ chức “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo” tập trung vào khám phá nghề nghiệp và tăng số giờ học cho hoạt động này. - Tổ chức chủ yếu bởi nhà trường và GV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo” bên ngoài trường học. - Nhiều thời gian dành cho khám phá nghề nghiệp hơn mà không ảnh hưởng đến giờ học các môn chính. - Có thể mở rộng các hoạt động thể thao/câu lạc bộ sau giờ học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo” cho kì nghỉ, HS được khám phá nghề nghiệp sâu hơn. - Khám phá nghề nghiệp -> Hiểu bản thân và thế giới nghề nghiệp -> Xây dựng tầm nhìn nghề nghiệp -> Khởi động lại động lực học tập -> Hỗ trợ việc ra quyết định nghề nghiệp hợp lý. - Cần sự hỗ trợ của phụ huynh để xác định sở thích và tài năng của con họ. - Có thể mở rộng các hoạt động thể thao/câu lạc bộ sau giờ học. - Có thể tổ chức hội trại nghề nghiệp trong kì nghỉ (có phụ huynh và người cố vấn đồng hành). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều thời gian cho HS khám phá và trải nghiệm nghề nghiệp. - Nhấn mạnh vai trò của cộng đồng và phụ huynh. - Nhấn mạnh tầm quan trọng của các địa điểm học tập khám phá nghề nghiệp trong cộng đồng. - It tập trung vào khối GD tư nhân.
Khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ dẫn đến tình trạng học thêm sau giờ học và trong kì nghỉ do lo ngại kiến thức học thuật bị giảm sút. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi sự đam mê và trình độ chuyên môn của GV để xây dựng tài liệu cho hoạt động khám phá nghề nghiệp sau giờ học. - Gánh nặng hơn đối với GV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có CT khám phá nghề nghiệp phong phú, có tài liệu hướng dẫn, địa điểm học tập dành cho kì nghỉ. - Cần sự hỗ trợ có hệ thống: hệ thống kết nối với cộng đồng, các tổ chức xã hội liên quan, kinh nghiệm nghề nghiệp. - Gánh nặng hơn đối với GV và phụ huynh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có CT khám phá nghề nghiệp phong phú và tài liệu hướng dẫn. - Lo ngại về kiến thức học thuật bị giảm sút. - Gánh nặng cho nhà trường và phụ huynh. - Cung cấp các cơ hội khám phá nghề nghiệp khác nhau dựa trên hoàn cảnh gia đình.

kì thi chuyển cấp.

- FSP triển khai toàn quốc quá nhanh, chỉ ba năm sau khi nó được giới thiệu lần đầu tiên trong khi Ireland mất khoảng 20 năm để thực hiện một CT tương tự (Transition Year, Ireland). Ba năm không đủ thời gian để thuyết phục các bậc cha mẹ hoài nghi về lợi ích của FSP. Nhiều người trong số họ tin rằng, điều đó gây rối và mất tập trung vì nó kéo con cái họ ra khỏi sự chú ý tới các môn học chính như Toán học, Tiếng Anh, Tiếng Hàn, là những môn rất quan trọng để vào đại học. Vì thế, GV phải chịu áp lực rất lớn để thực hiện CT cũng như chứng minh lợi ích của FSP với phụ huynh.

- HS cũng không thể khám phá đầy đủ sở thích và đam mê của họ một cách tự do vì những kì vọng và áp lực do chính cha mẹ mang tới. Họ vẫn theo quan điểm cũ là phải đi theo con đường học thuật thì mới thành công. Nhưng phụ huynh cũng có lí khi mà phần lớn các nhà tuyển dụng tại các công ty và tổ chức hàng đầu của Hàn Quốc vẫn ưu tiên tuyển dụng đối với bằng cấp từ các trường đại học hàng đầu trong nước.

- Nhiều GV, phụ huynh và HS vẫn cho rằng, nên có bài kiểm tra trong học kì FSP để thực hành kĩ năng làm bài kiểm tra/bài thi để chuẩn bị cho các kì thi giữa kì và cuối kì ở các học kì sau đó.

- Tầm quan trọng ngày càng tăng của các hoạt động ngoại khóa làm giảm thời gian dành cho việc học. Do đó, làm tăng thêm căng thẳng cho HS và thúc đẩy một

lĩnh vực cạnh tranh khác. Do đó, FSP đang trở thành một chiến trường khác, nơi các HS thay vì thông thả khám phá những sở thích của bản thân thì lại phải vội vã xác định các hoạt động của câu lạc bộ và các cơ hội tình nguyện phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp để xây dựng một hồ sơ cá nhân hấp dẫn để nộp vào đại học.

c. Hiệu quả của CT Học kì tự do

Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn nhưng không thể phủ nhận những thành công của FSP đối với cuộc cải cách GD của Hàn Quốc. Lim và cộng sự đã phân tích chính sách Học kì tự do thông qua so sánh các khảo sát về sự hài lòng của HS giữa các trường thí điểm FSP và các trường không thí điểm từ năm 2013 đến năm 2016 cũng như một số nghiên cứu dài hạn trong nước. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, FSP đã mang lại 5 kết quả tích cực, đó là (Jong Heon Lim, 2017): Cải thiện chất lượng lớp học; Tăng tương tác giữa các thành viên trong lớp; Tăng tỉ lệ tham gia của HS trong lớp; Nâng cao khả năng giải quyết vấn đề sáng tạo của HS; HS cảm thấy hạnh phúc hơn. Như vậy, có thể thấy rằng, FSP đã tác động tới GD Hàn Quốc và có những chuyển biến tích cực, điều thành công nhất là HS đã cảm thấy hạnh phúc hơn khi đi học.

2.3. Đề xuất cho đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam

Qua phân tích mô hình triển khai FSP tại Hàn Quốc ta thấy rằng, không thể áp dụng dập khuôn vào GD Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, điều đó không

có nghĩa là không thể học hỏi những định hướng tích cực, những đặc trưng của FSP để vận dụng vào triển khai CT GD phổ thông mới ở nước ta khi mà CT lần này hướng vào phát triển năng lực HS để trở thành những con người có “Năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội” (CT GD phổ thông tổng thể, 2018). Điều này chỉ có thể thực hiện được khi HS được trải nghiệm trong thực tế, được giải quyết tình huống thực tiễn gắn liền với sở thích và tài năng cá nhân. Để đổi mới GD có hiệu quả thì chúng ta cần có những biện pháp sau:

a. Cần có các chính sách cải cách nhằm giảm bớt áp lực thi cử đối với HS

Đổi mới trong kiểm tra đánh giá nhằm đánh giá đúng năng lực và sở trường của HS. Đổi mới trong kiểm tra đánh giá, đặc biệt là kì thi THPT quốc gia hay kì thi vào các trường cao đẳng, đại học, trường nghề,.... Cụ thể là, đổi mới các tiêu chí tuyển sinh để thúc đẩy hệ thống GD sáng tạo không chỉ dựa vào điểm thi mà dựa vào hồ sơ năng lực, hồ sơ quá trình học tập của HS, trong đó có các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động sáng tạo, hoạt động tình nguyện,... được đánh giá một cách công bằng. Bên cạnh đó, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ cũng giúp phân luồng HS định hướng nghề nghiệp khi nộp hồ sơ vào các trường đại học, cao đẳng. Tức là, những HS muốn theo khối ngành xã hội thì sẽ ưu tiên hồ sơ khi có tham gia các câu lạc bộ xã hội, tình nguyện, văn chương, những HS muốn theo khối ngành tự nhiên thì ưu tiên hồ sơ khi có tham gia các câu lạc bộ như STEM hay các hoạt động trải nghiệm ở các nhà máy sản xuất,... Khi hình thức và tiêu chí của các kì thi quốc gia có tính chất quyết định tương lai thế hệ trẻ thực sự thay đổi theo hướng đánh giá năng lực thì mọi khâu trong quá trình dạy và học sẽ thay đổi theo.

b. Đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập, tập trung vào sự tham gia và hoạt động của HS

GV cần nhận thức được vai trò của mình trong quá trình dạy học. GV là người hỗ trợ, giám sát, còn HS là trung tâm của quá trình dạy học. GV tạo điều kiện tối đa cho HS được giao tiếp và hợp tác thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các chủ đề tự chọn dựa trên sở thích và năng khiếu của cá nhân HS. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tăng cường các dự án học tập, tích hợp các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vào chính các môn học, không nên tách rời giữa môn học và hoạt động trải nghiệm sáng tạo hay các chủ đề tự chọn. Để GV đổi mới được phương pháp dạy học thì chất lượng đào tạo, bồi dưỡng GV cũng cần được nâng cao trong các trường sư phạm hay trong các khóa bồi dưỡng chuyên môn.

c. Tăng cường các chủ đề tự chọn, các CT trải nghiệm dựa trên sở thích và hứng thú của HS

Trong CT GD phổ thông mới của Việt Nam đã có các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cũng như các chủ đề/

chuyên đề tự chọn. Tuy nhiên, để các hoạt động này thực sự có hiệu quả thì cần tổ chức thành các nhóm lĩnh vực để HS có cơ hội lựa chọn phù hợp với sở thích của các em. Có thể chia thành các nhóm như: hoạt động hướng nghiệp, hoạt động tự chọn, hoạt động nghệ thuật và thể thao, hoạt động xã hội/tình nguyện. Việc đánh giá các hoạt động này nên sử dụng đánh giá quá trình, đánh giá hồ sơ, tự đánh giá để tạo hồ sơ quá trình học tập, hồ sơ năng lực của HS nhằm sử dụng trong các mục đích tuyển chọn vào các cấp học cao hơn.

d. Mở rộng cơ hội khám phá nghề nghiệp một cách có hệ thống để tìm thấy tài năng và ước mơ của HS

Cần xây dựng CT hướng nghiệp một cách bài bản và thiết thực, coi đây là hoạt động song hành và gắn liền với GDPT. Bên cạnh đó, cần xây dựng hệ thống tư vấn hướng nghiệp cho HS. Cần có các CT hướng nghiệp từ tiểu học xuyên suốt THCS đến THPT và mang tính trải nghiệm cao hơn, tức là HS được tìm hiểu sâu hơn về các nghề nghiệp, được trải nghiệm công việc của các nghề nghiệp, được khám phá sở thích và tài năng của bản thân để định hướng được nghề nghiệp tương lai, từ đó xây dựng được chiến lược học tập ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Có như vậy mới tạo được niềm vui và hứng thú học tập cho HS và giúp HS định hướng được con đường nghề nghiệp tương lai. Khi HS đã khám phá ra sở thích và tài năng của mình thì HS sẽ nhận thấy rằng: “Đại học không phải là con đường duy nhất để lập thân, lập nghiệp”. Từ đó, HS sẽ giảm bớt áp lực học tập và thi cử, không phải bằng mọi giá để đỗ vào trường đại học mà thay vào đó là nhiều hướng đi phù hợp với năng lực bản thân, có thể là trường nghề, trường nghệ thuật,...

e. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào GD

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào GD nhằm tận dụng các nguồn lực của xã hội vào GD. Sự tham gia này một mặt hỗ trợ GD, mặt khác chính GD lại đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, của xã hội. Các hoạt động có thể triển khai như liên kết với các doanh nghiệp, nhà máy tại địa phương để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho HS, nhưng không chỉ là hoạt động quan sát và đi thăm nhà máy mà phải thiết thực hơn bằng cách cho HS trải nghiệm công việc thực sự tại nhà máy để HS thấy được rằng, muốn làm một nghề nào đó thì cần có những kĩ năng, kiến thức nào,... Hay có thể mời các chuyên gia về một lĩnh vực nào đó đến lớp chuyên đề để nói chuyện với HS về chuyên ngành mà người đó đang công tác. Nhưng để cộng đồng tham gia một cách tích cực vào GD thì cần có hành lang pháp lí, có các chính sách quy định cụ thể về nghĩa vụ hợp tác của các doanh nghiệp xã hội vào GD, tránh tình trạng các trường phải tự liên hệ với doanh nghiệp tìm sự hỗ trợ thì rất khó.

4. Kết luận

“Học kì tự do” là một CT thực sự có tiềm năng, giúp HS hạnh phúc hơn, khám phá ước mơ và tài năng. Tuy nhiên, chỉ một học kì ở THCS không thể hiện thực hóa được những mục tiêu nhiều mặt này. Trường học đơn lẻ không thể thay đổi cách suy nghĩ đã lỗi thời về học tập và thành công trong sự nghiệp. Việt Nam đang trên con đường đổi mới GD cũng cần học hỏi những chính sách thành công của thế giới và “Việt hóa” cho phù hợp với

điều kiện xã hội Việt Nam. Bài học từ GD Hàn Quốc chúng ta nhận được đó là: “Hạnh phúc quan trọng hơn thành công”. Hi vọng rằng, từng bước chúng ta có những chính sách thay đổi và nhận được sự góp sức của toàn xã hội thì dần dần chúng ta sẽ tiến tới một môi trường GD đúng nghĩa là “Trường học hạnh phúc - khám phá tài năng” để giúp trẻ em khỏe mạnh hơn, sáng tạo hơn, hạnh phúc hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Jong Heon Lim, B. Y. (2017), *Influence of the Free Semester Program in Korean Middle Schools*, Journal of Educational Administration and Policy.
- [2] Jung, W., (2018), *Korean middle school students' reflections on the Free Semester policy*. Linköping University.
- [3] Kim., (2018), *Tổ chức và vận hành chương trình giảng dạy của hệ thống trường học triển khai Học kì tự do (dịch từ tiếng Hàn)*. Seoul: Korean journal of teacher education.
- [4] Lee, J.-Y. , (2013), *Guides to successful implementation of Free Learning semester: with focus on career development*.
- [5] Lee, J.-Y., (2013), *New Educational Policy of Free Learning Semester: Toward Revitalization for Career Exploration Oriented Approach*. KRIVET.
- [6] MoE and KEDI., (2017), Retrieved 03 08, 2020, from http://www.ggoomggi.go.kr/freesemboard/down_board_image?fileKey=12015052216225740724
- [7] MoE, K., (2013), *The Free Semester Program: “Happy Education” to nurture dreams and talents*.
- [8] OECD., (2012), *Student, computer and learning: Making the connection, country note: Korea*. Programme for international student assessment (PISA).
- [9] Park, R. K., (2016), *Preparing student for South Korea's creative economy: The successes and challenges of educational reform*. Asia Pacific Foundation of Canada.
- [10] *Transition Year, Ireland.*, (2020), Retrieved from Wikipedia: https://en.wikipedia.org/wiki/Transition_Year.

THE FREE SEMESTER PROGRAM IN SOUTH KOREA AND SUGGESTED MEASURES FOR INNOVATION OF GENERAL EDUCATION IN VIET NAM

Phan Thi Bích Lợi

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam
Email: phanloi99@gmail.com

ABSTRACT: This article is aimed at exploring an effective policy in South Korea's educational reform, which is the "Free Semester Program (FSP)". This article includes quotations from official documents of the Ministry of Education of Korea and Korean Educational Development Institute (KEDI). The author has analyzed the concept, characteristics, objectives, visions, models, methods of implementation, as well as effectiveness and difficulties encountered when adopting FSP in Korea. Based on such analysis, the author has made recommendations for general educational reform in Vietnam today, acknowledging similarities between the goals of FSP and general education in Vietnam in order to develop competencies for students, and discover talents and the interests of students in pursuit of happy education for younger generation.

KEYWORDS: Free semester; free semester program; educational reform in South Korea; general education innovation in Vietnam; competence